

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2025/HS-ST**

Ngày: 19 - 8 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng

Ông Đinh Xuân Dậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Trường Vĩnh K, sinh năm 1997 tại Đồng Nai; Số Căn cước công dân: 07509700xxxx. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi cư trú: Ấp HB, xã HT, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp HB, xã HT, tỉnh Đồng Nai); Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Vĩnh L, sinh năm 1974 và con bà Trương Thị T, sinh năm 1975; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ 2; Bị cáo có vợ là bà Lê Tiểu N, sinh năm 1997, có 01 con sinh năm 2023; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam, tạm giữ ngày 02/02/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh Đồng Nai - Có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH S.

Địa chỉ: ấp QP, xã QT, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp QP, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thảo Q, sinh năm 1988 – Chức vụ: Giám đốc - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo:** Luật sư Phạm Thanh H – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai - Có mặt;

Địa chỉ: Văn phòng luật sư Trần Toàn Th, phường BH, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trường Vĩnh K là người cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa với tư cách là “*nhà thầu độc lập*” cho Công ty TNHH S (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3616242421 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/4/2020, địa chỉ trụ sở chính: Tầng 25, Tòa nhà Saigon Centre 2, 67 Lê Lợi, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh). K được bố trí làm việc tại Trạm giao nhận hàng Trảng Bom (địa chỉ: Số 2C, đường QT 32, ấp QP, xã QT, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) với nhiệm vụ thực hiện việc giao hàng hóa (bưu phẩm) cho các khách hàng trên địa bàn ấp Tân Phát và ấp Tân Đạt (thuộc xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) và thu tiền bưu phẩm từ khách hàng chuyển về Công ty TNHH S bằng hình thức chuyển tiền đến số tài khoản số P6800560DNI06 của Công ty TNHH S mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trước 24 giờ hàng ngày.

Vào ngày 09/6/2024, K nhận 127 đơn hàng trị giá 15.309.210đ (*Mười lăm triệu ba trăm lẻ chín nghìn hai trăm mười đồng*) của Công ty để đi giao cho khách hàng. Sau khi nhận được tiền từ khách hàng bằng tiền mặt (*với số tiền 9.591.210 đồng*) và bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 1012438665 của K mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*với số tiền 5.718.000 đồng*), K đã tự ý sử dụng số tiền 5.718.000 đồng (cùng với khoảng 13.233.000 đồng là tiền cá nhân của K có trong tài khoản ngân hàng) để trả nợ cá nhân; số tiền mặt còn lại (*9.591.210 đồng*) K để trong ví cá nhân, trên đường về nhà thì K làm mất ví nên đã làm mất toàn bộ số tiền này. Do không còn tiền để chuyển trả cho Công ty TNHH S theo quy định nên K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt toàn bộ số tiền thu hộ nêu trên. Vì vậy, vào ngày 10/6/2024 và các ngày tiếp theo K không đến Trạm giao nhận hàng Trảng Bom để thực hiện nhiệm vụ như thường ngày, khi chị Nguyễn Thị Bích Th – Trưởng trạm giao nhận hàng Trảng Bom liên hệ thì K tìm cách trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty (không nghe điện thoại, không trả lời tin nhắn, xóa tài khoản mạng xã hội zalo). Sau đó, Công ty TNHH S đã có đơn tố giác hành vi chiếm đoạt tài sản của Lê Trường Vĩnh K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Ngày 23/01/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai) đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Trường Vĩnh K về tội “Tham ô tài sản” để điều tra. Quá trình điều tra K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-HS ngày 15/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai đã truy tố bị cáo Lê Trường Vĩnh K về tội “*Tham ô tài sản*” theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: Không.

- Về dân sự: Bị cáo Lê Trường Vĩnh K đã bồi thường cho Công ty TNHH S số tiền là 15.309.210 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm lẻ chín nghìn hai trăm mười đồng*), đại diện Công ty TNHH S có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K.

- Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Lê Trường Vĩnh K mức hình phạt từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với nội dung tại bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai đã truy tố về hành vi phạm tội, tội danh, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo K là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ để giảm một phần hình phạt cho bị cáo như sau:

Do công việc có thu nhập thấp, không thể đảm bảo cuộc sống của bị cáo cũng như người thân nên bị cáo đã có suy nghĩ lệch lạc dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, đã vận động gia đình bồi thường đầy đủ số tiền 15.309.210đ cho bị hại, đã được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự, bị cáo là lao động chính trong gia đình, từng tham gia nghĩa vụ quân sự năm 2017, bị cáo có con nhỏ bị bệnh tự kỷ, có gia đình bị cáo có người thân là mẹ Việt Nam anh hùng, có công với cách mạng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 20/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo không tham gia tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung tại Cáo trạng đã nêu và bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, ý kiến bào chữa của luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố; hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị hại - Công ty TNHH S: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về tội danh và trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 09/6/2024, tại Trạm giao nhận hàng Trảng Bom (địa chỉ: Số 2C, đường QT 32, ấp QP, xã QT, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, nay là số 2C, đường QT 32, ấp QP, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) thuộc Công ty TNHH S, bị cáo Lê Trường Vĩnh K là nhân viên, được giao nhiệm vụ đi giao 127 đơn hàng cho khách và thu tiền các đơn hàng này cho Công ty TNHH S. Sau khi đã giao thành công tất cả các đơn hàng thì bị cáo K đã có hành vi chiếm đoạt tài sản là tổng số tiền hàng có trị giá là 15.309.210 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm lẻ chín nghìn hai trăm mười đồng*) của Công ty TNHH S với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, hành vi của bị cáo Lê Trường Vĩnh K đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Công ty TNHH S được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, gia đình có người thân có công với cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường số tiền 15.309.210 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm lẻ chín nghìn hai trăm mười đồng*) cho Công ty TNHH S và Công ty TNHH S không có yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Trình bày của Luật sư bào chữa: Phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh và một số tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo nên được chấp nhận một phần. Tuy nhiên, Luật sư đã đưa ra các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ bị bệnh tự kỷ, bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự năm 2017 nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như không yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tạo điều kiện cho bị cáo cung cấp chứng cứ kèm theo nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố bị cáo **Lê Trường Vĩnh K** phạm tội “Tham ô tài sản”.

- Xử phạt bị cáo **Lê Trường Vĩnh K 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 02 năm 2025.

2. Căn cứ khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Trường Vĩnh K phải chịu số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND **khuvực 3 – Đồng Nai**;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Trại tạm giam số 01 – Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 06 – Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an **xã**;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Thị Liên